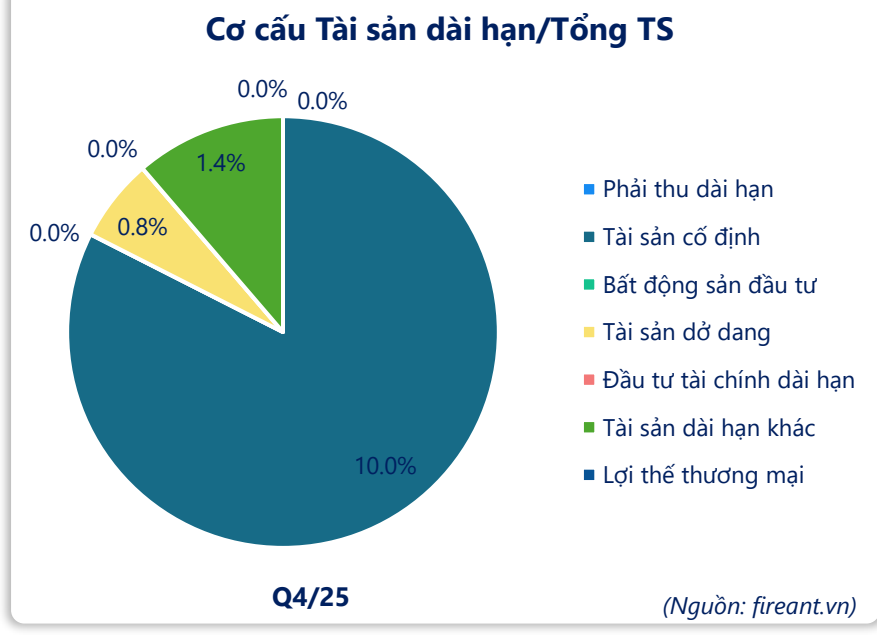
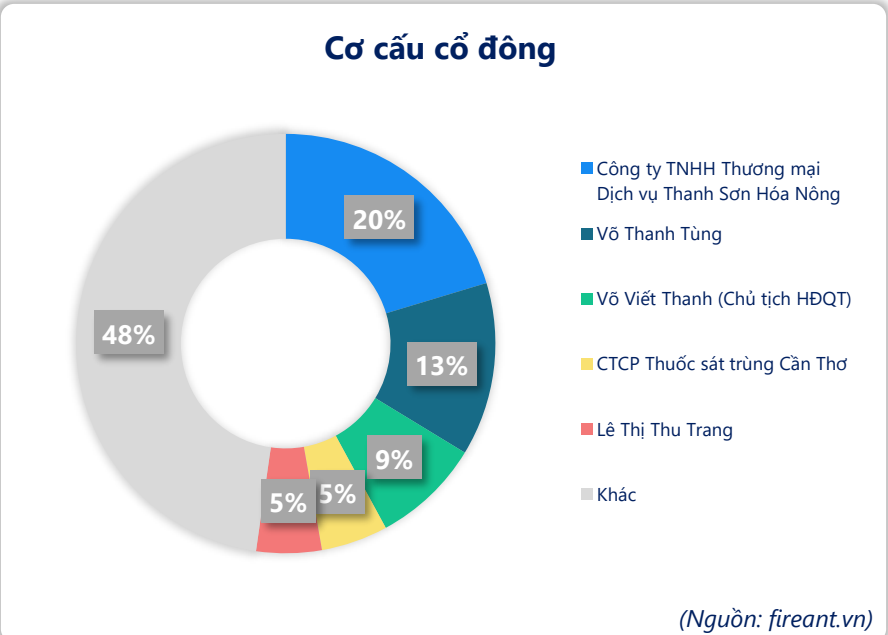
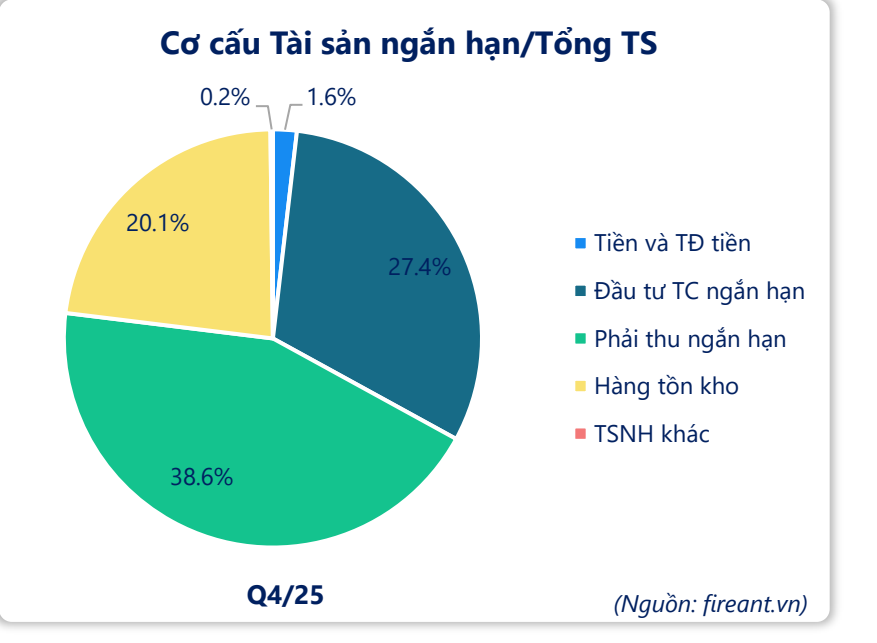
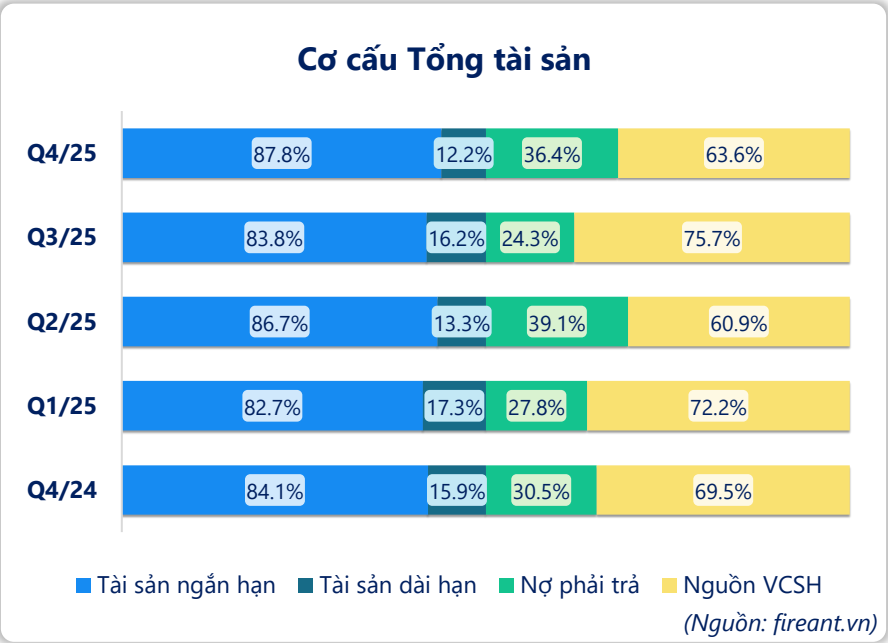
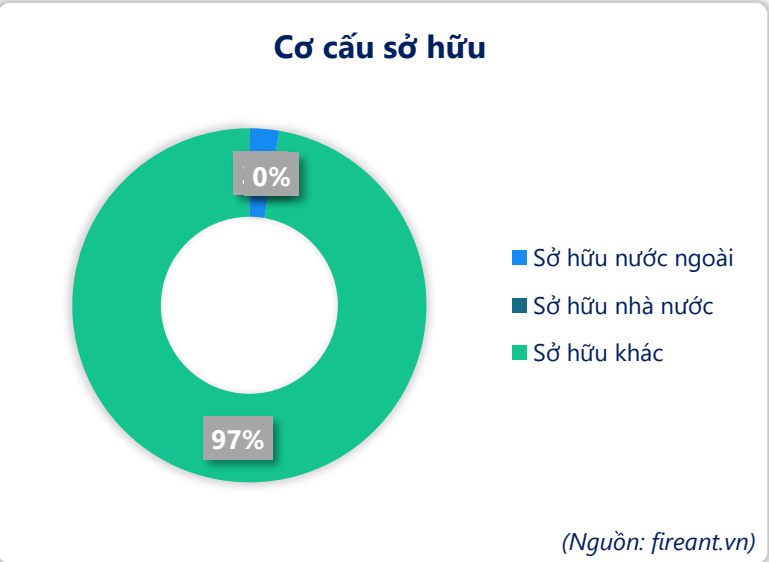
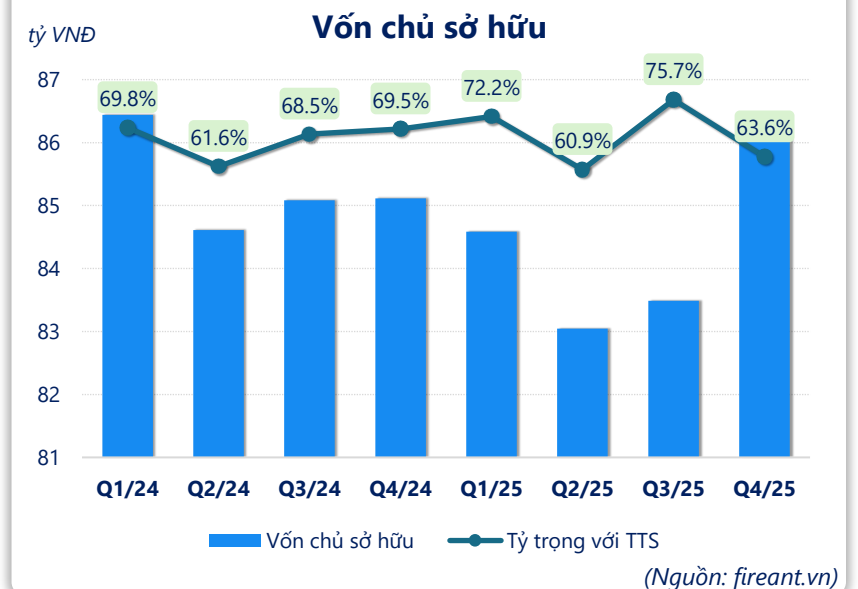
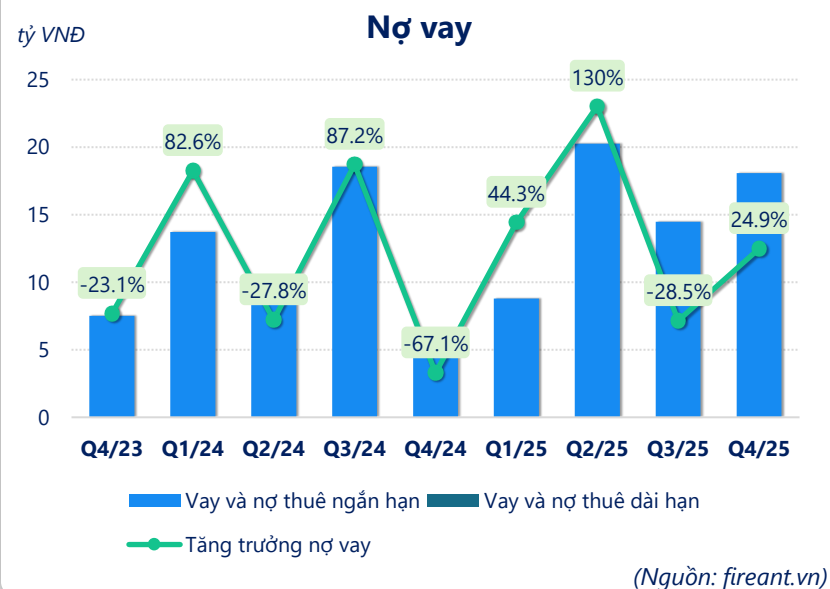
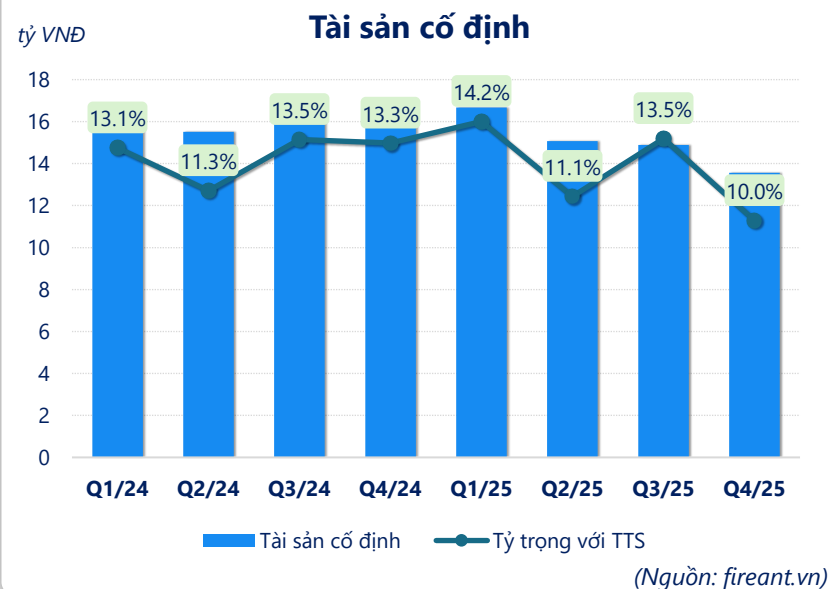
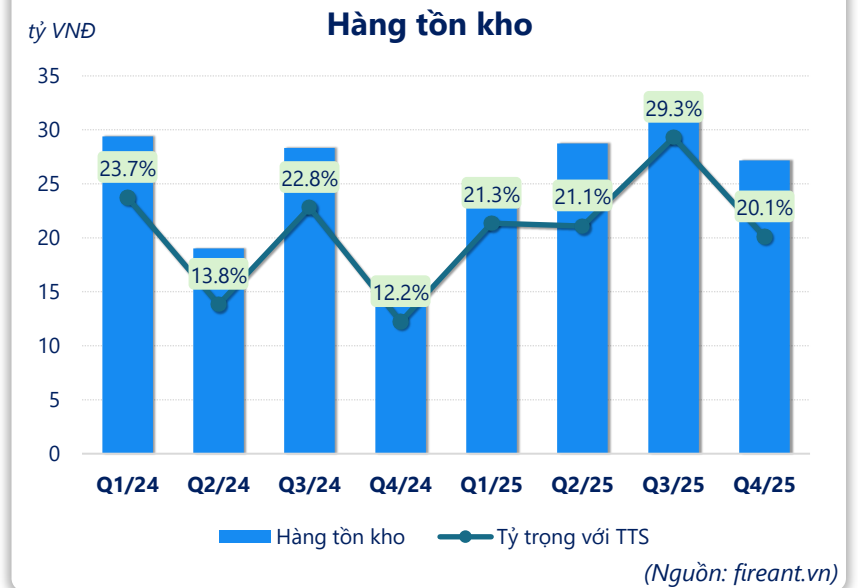
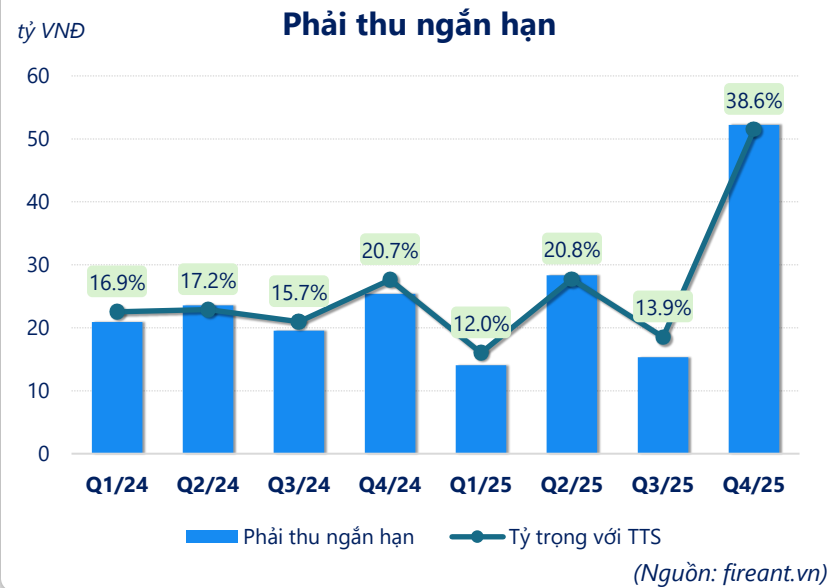
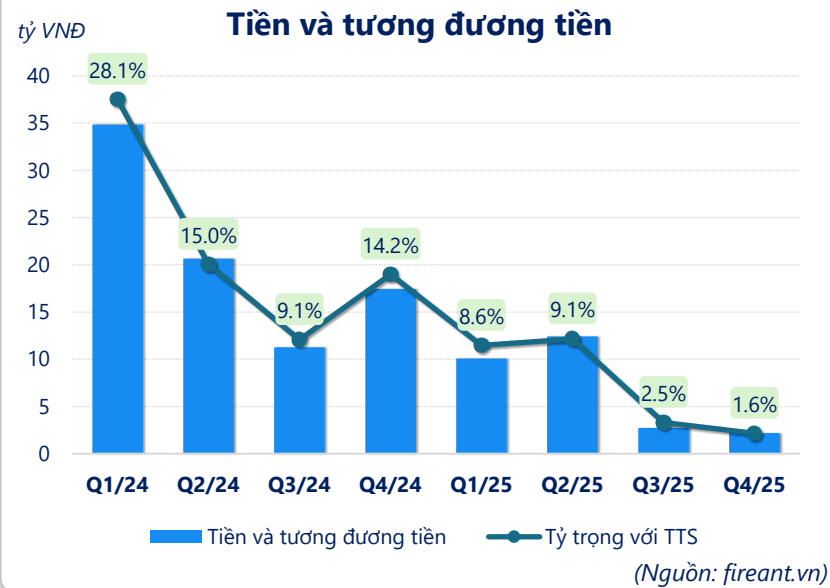
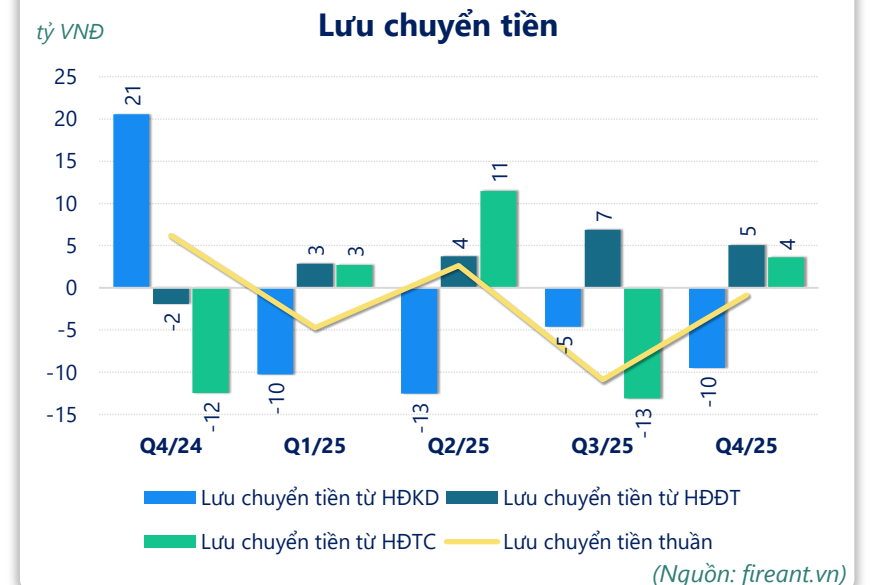
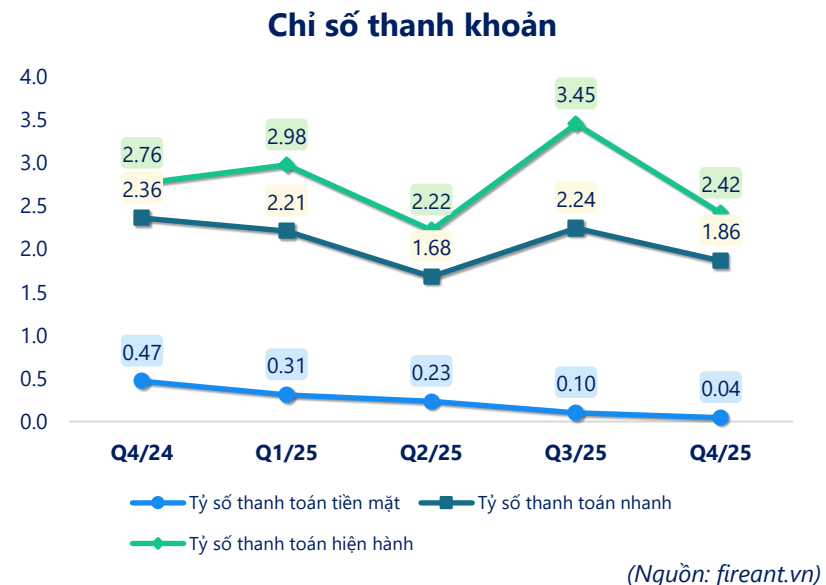
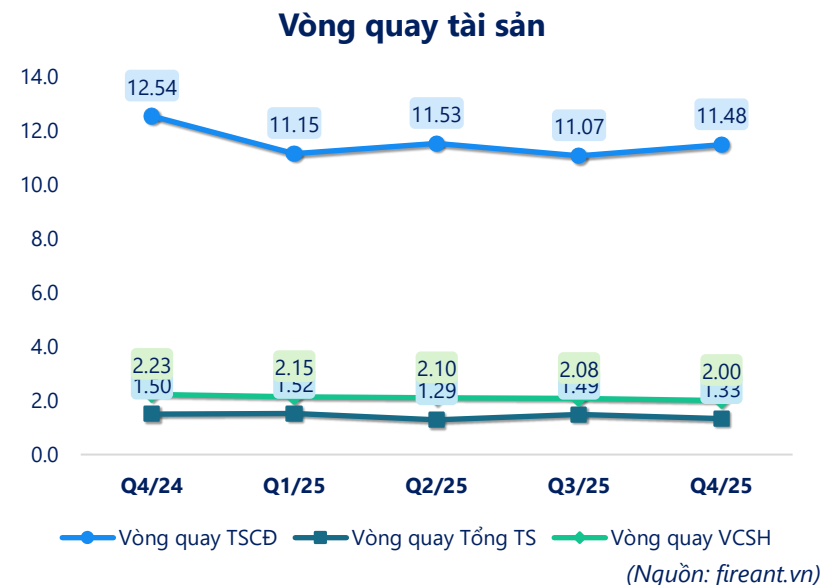
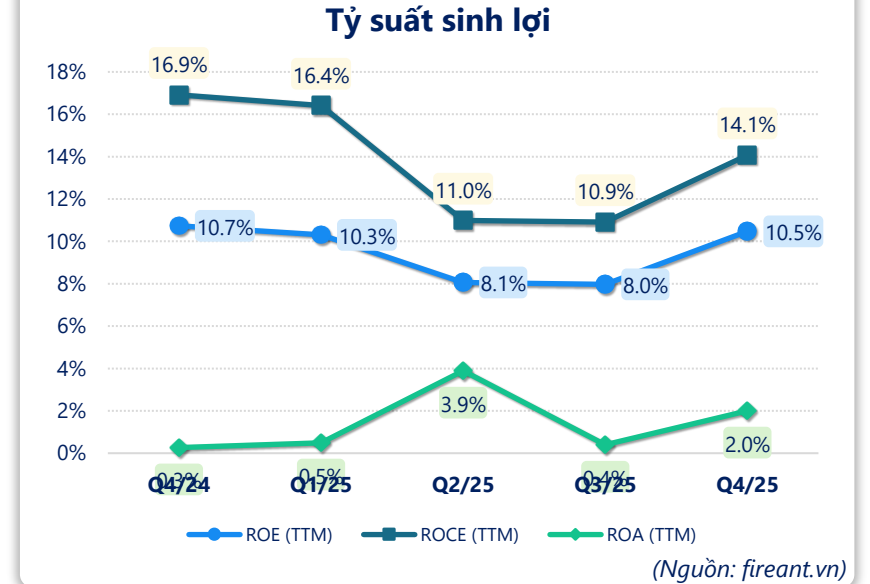
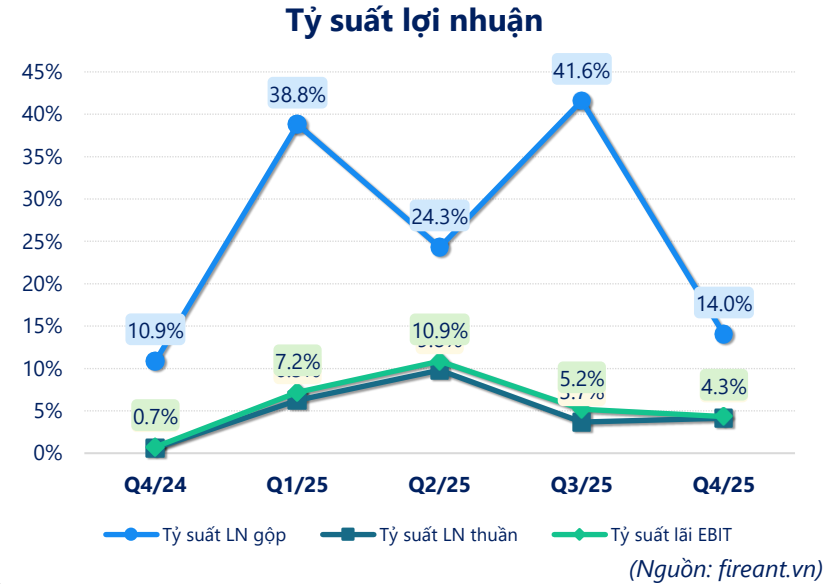
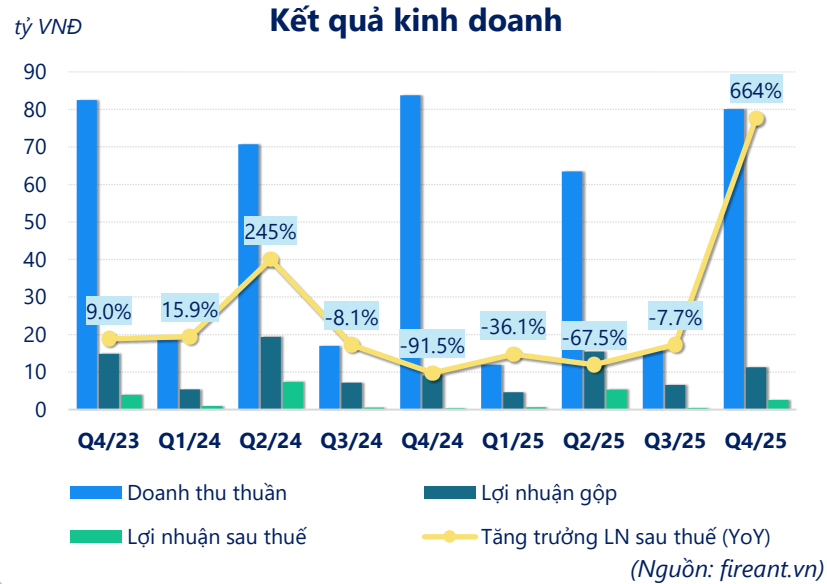


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,526
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,802
SL cổ phiếu LH		4,081,450
KLGD BQ 20 phiên (CP)		300
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		72
P/E		8.0
EPS		2,196

	YTD	1T	3T	6T
CPC	7.7%	-3.3%	0.6%	2.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	135	123	9.8%
Tài sản ngắn hạn	119	104	14.4%
Tiền và tương đương tiền	2.19	14.4	-84.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.0	48.0	-22.9%
Phải thu ngắn hạn	52.2	25.7	103%
Hàng tồn kho	27.2	15.4	75.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0.21	7.7%
Tài sản dài hạn	16.4	19.4	-15.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	13.6	16.3	-16.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.02	1.02	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.86	2.09	-11.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	49.2	36.9	33.2%
Nợ ngắn hạn	49.2	36.9	33.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.1	6.09	197%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	9.19	50.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	86.1	86.3	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	86.1	86.3	-0.3%
Vốn điều lệ	43.0	43.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	83.7	11.9	63.5	15.8	80.1
Giá vốn hàng bán	74.6	7.31	48.1	9.24	68.8
Lợi nhuận gộp	9.10	4.63	15.4	6.58	11.2
Doanh thu HĐTC	1.39	0.88	1.16	1.20	0.99
Chi phí TC	2.19	1.15	0.52	1.17	1.24
Chi phí lãi vay	0.20	0.11	0.20	0.25	0.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.74	1.72	5.38	3.18	4.45
Chi phí QLDN	3.05	1.89	4.46	2.85	3.25
LN thuần từ HĐKD	0.51	0.75	6.23	0.58	3.29
Lợi nhuận khác	-0.09	0.00	0.47	0.00	-0.07
LN trước thuế	0.42	0.75	6.70	0.58	3.23
Lợi nhuận sau thuế	0.34	0.60	5.32	0.46	2.58
LNST của CĐ cty mẹ	0.34	0.60	5.32	0.46	2.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.6	-10.3	-12.5	-4.63	-9.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.91	2.84	3.71	6.87	5.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.5	2.70	11.5	-13.1	3.60
Tiền đầu kỳ	11.3	14.4	10.1	13.4	2.74
Lưu chuyển tiền thuần	6.19	-4.72	2.63	-10.9	-0.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.36	0.72	0.19	0.30
Tiền cuối kỳ	17.4	10.1	13.4	2.74	2.19

(Nguồn: fireant.vn)